

**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ANH VINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ANH VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300857776

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 29/09/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** NR Ông Hà Ngọc Vinh, thôn Ngọc Lâm, Xã Song Liễu,  
Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0969 729 188

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>(Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ)                                                                                      | 3100        |
| 2.  | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                | 3812(Chính) |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290        |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 5.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                          | 3811        |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |
| 8.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390        |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 10. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622        |
| 11. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                        | 3830        |
| 12. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                                                                                                                       | 3900        |
| 13. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                | 3821        |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 15. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                         | 4322        |
| 18. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                          | 1610        |
| 19. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại)                                                     | 4669        |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

|     |                                                                                                                                                                                                      |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                             | 1629                                                         |
| 22. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                       | 4329                                                         |
| 23. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                       | 4330                                                         |
| 24. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                    | 1621                                                         |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                     | 4932                                                         |
| 26. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                            | 4210                                                         |
| 27. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                               | 4620                                                         |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự )                                                                                         | 4649                                                         |
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng, bạc và kim loại quý hiếm)                                                                                                                 | 4662                                                         |
| 30. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                              | 1623                                                         |
| 31. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                   | 3822                                                         |
| 32. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                | 4100                                                         |
| 33. | Ghi chú: ( Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**8. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: HÀ NGỌC VINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/05/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 125012604

Ngày cấp: 19/11/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Ngọc Lâm, Xã Song Liễu, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Ngọc Lâm, Xã Song Liễu, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: HÀ NGỌC VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 02/05/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125012604

Ngày cấp: 19/11/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ngọc Lâm, Xã Song Liễu, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Ngọc Lâm, Xã Song Liễu, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**10. Nơi đăng ký:**

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh